

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLST – KDTM, ngày 04 tháng 3 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (viết tắt là E); Địa chỉ: Tầng H, văn phòng số L+16 Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L – chức vụ: Tổng giám đốc.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP X; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh T – chức vụ: Chủ tịch Công ty. Người đại diện ủy quyền: Ông Trần Văn N - chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Khắc Đ,

chức vụ: Cán bộ tổ xử lý nợ và QLKTTS Khu vực miền B (theo Giấy ủy quyền số 446/2024/EIBA/UQ-TGD ngày 04/4/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1985 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thu H
Nơi cư trú: Tổ G, Tổ dân phố T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội

2.2. Ông Trần Tuấn T1, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thu H: Ông Trần Tuấn T1 theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 01860, quyền số 04.2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Văn phòng C, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số nợ và trách nhiệm trả nợ:

Bà Nguyễn Thu H, ông Trần Tuấn T1 xác nhận còn nợ và có trách nhiệm liên đới trả nợ Ngân hàng TMCP X (E) tổng số tiền tạm tính đến ngày **10/3/2024** là: 5.413.220.834 đồng (năm tỷ bốn trăm mười ba triệu hai trăm hai mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng), bao gồm: Nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 86.633.334 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 3.826.587.500 đồng.

Kể từ ngày 11/3/2024, bà Nguyễn Thu H, ông Trần Tuấn T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận quy định tại hợp đồng tín dụng từng lần số 1703-LAV-201102659 ngày 26/8/2011, khế ước nhận nợ số 1703-LDS - 201102659 ngày 26/8/2011 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp sau khi có quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thu H, ông Trần Tuấn T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho E thì E có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đ, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 543419, số vào sổ cấp GCN: 00431 do UBND huyện C cấp ngày 08/8/2011 cho bà Nguyễn Thu H. Hợp đồng thế chấp số Công chứng 5277.HĐTC.2011 Quyền số: 03 TP/CC – SCC/HĐGD

ngày 24/8/2011 tại phòng C1, Thành phố Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C ngày 25/8/2011.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà H, ông T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho E.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thu H, ông Trần Tuấn T1 tự nguyện chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.706.000 đồng (đã làm tròn).

Hoàn trả lại Ngân hàng T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001821 ngày 01/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CC. THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền